TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2022/QĐST-HNGĐ	*TT, ngày 18 tháng* 8 *năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con".

Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Đặng Bình L - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Khu 2, LS, thị trấn K, huyện TT, tỉnh TH.

Chị Trịnh Thị N - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu 2, LS, thị trấn K, huyện TT, tỉnh TH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh L và chị N sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Đến nay, anh L và chị N đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Nguyên V (Giới tính: nam), sinh ngày: 28/02/2006. Sau khi ly hôn, anh L và chị N thỏa thuận giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị N sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là

2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N có một số tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N thỏa thuận, anh L là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và lệ phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N thống nhất, thỏa thuận giao cháu Đặng Nguyên V (Giới tính: nam), sinh ngày: 28/02/2006 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đặng Bình L và chị Trịnh Thị N thống nhất, thỏa thuận anh Đặng Bình L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT theo biên lai số: AA/2021/0007703 ngày 21/7/2022. Anh Đặng Bình L đã nộp đủ tiền lệ phí, anh Đặng Bình L còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nhgìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn